

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Chủ tọa phiên họp: Bà Trương Thị Lệ Thu - Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Bà Hà Thị Vân Nga.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Bà Dương Thị Thanh Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 231/2022/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định mở phiên họp số 139/2022/QĐ-TA ngày 24 tháng 11 năm 2022 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986; địa chỉ: Khối 8, thị trấn H, huyện H, tỉnh H. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Anh Võ Văn Tr, sinh năm 1984; Nơi ĐKKH trước khi xuất cảnh: Khối 8, thị trấn H, huyện H, tỉnh H; Hiện đang lao động tự do tại Hàn Quốc. Có ý kiến xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn có tại hồ sơ, chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Võ Văn Tr kết hôn vào ngày 07/7/2010, trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã H, huyện H, tỉnh H. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị được bố mẹ chồng cho về sống riêng trong nhà của ông bà ở xóm 8, thị trấn H (Căn nhà này do bố mẹ chồng cho mượn). Tình cảm vợ chồng hòa thuận được khoảng 7 năm thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn, là do hai vợ chồng không có nghề nghiệp ổn định, làm tự do nên thu nhập khó khăn, do đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, không tôn trọng lẫn nhau. Nhất là giai đoạn anh Tr bị vỡ nợ vào cuối năm 2015, thì mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên gay gắt. Vợ chồng chưa thể hòa giải được thì đến đầu năm 2019, anh Tr đi xuất khẩu lao động ở Hàn Quốc nên

tình cảm vợ chồng cứ thế phai nhạt dần. Hiện tại, bản thân chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã hết sức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Tr được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Võ Văn T, sinh ngày 01/10/2011 và Võ Văn M, sinh ngày 16/9/2012. Từ khi anh Tr đi xuất khẩu lao động đến nay, hai con ở với chị H. Nguyên vọng của chị H khi ly hôn là đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận của hai vợ chồng giao cả hai con cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc chị H không thể về tham gia giải quyết vụ việc được nên chị H đã có đơn xin giải quyết vắng mặt nộp tại hồ sơ.

Tại buổi làm việc ngày 14/11/2022, với sự chứng kiến của đại diện tòa án, qua cuộc gọi bằng hình ảnh của bà Lương Thị Bình- mẹ đẻ của anh Võ Văn Trung, anh Tr đã trình bày về quá trình kết hôn, chung sống, thời gian và lý do xảy ra mâu thuẫn cơ bản thống nhất như trình bày của chị Nguyễn Thị H. Tại cuộc gọi, anh Tr cũng thống nhất đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Võ Văn Tr, công nhận sự thống nhất thỏa thuận giao hai con chung Võ Văn T, sinh ngày 01/10/2011 và Võ Văn M, sinh ngày 16/9/2012 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Công nhận sự thống nhất thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Do điều kiện công việc ở nước ngoài không thể về trực tiếp tham gia giải quyết vụ việc ly hôn giữa hai bên nên anh Tr cũng đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc vắng mặt anh, đồng thời ủy quyền cho bà Lương Thị B là mẹ đẻ anh Tr thay mặt anh Tr giao nhận văn bản tài liệu tố tụng với Tòa án.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau, đề nghị Tòa án áp dụng Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, 55, 81, 82, 83, 116, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp; Ý kiến trình bày của đương sự và đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Anh Võ Văn Tr hiện cư trú tại Hàn Quốc, có xác nhận tại Công văn số 22457/QLXNC-P5 ngày 26/10/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh- Bộ Công an. Chị Nguyễn Thị H có nơi cư trú tại huyện H, tỉnh H nên vụ việc thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 29, Điều 37, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015. Tại thời điểm thụ lý vụ án, chị Nguyễn Thị Hiền làm đơn khởi kiện về việc ly hôn, nuôi con. Vì vậy, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình theo quy định tại điều 28 BLTTDS. Quá trình giải quyết, các bên đã thống nhất toàn bộ nội dung vụ việc và thống nhất đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn cùng các quan hệ nuôi con, tài sản chung nên Tòa án đã ra Quyết định chuyển quan hệ pháp luật từ vụ án thành việc hôn nhân gia đình theo quy định tại điều 29 BLTTDS. Chị Nguyễn Thị H có đơn xin vắng mặt, anh Võ Văn Tr có ý kiến xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ việc. Anh Võ Văn Tr đã ủy quyền việc giao nhận tài liệu chứng cứ và các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Lương Thị B. Căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt chị H, anh Tr theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Võ Văn Tr có đủ các điều kiện kết hôn; thực hiện việc đăng ký kết hôn hợp lệ vào ngày 07 tháng 7 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh H. Căn cứ quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 khẳng định hôn nhân của chị H và anh Tr là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị H, anh Tr chung sống hạnh phúc được khoảng 07 năm thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn kể từ sau khi anh Tr vỡ nợ vào năm 2015 và đi xuất khẩu lao động vào năm 2019. Nguyên nhân mâu thuẫn là do khó khăn về kinh tế, thu nhập không ổn định, nợ nần dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, sau đó do vợ chồng xa nhau tình cảm cũng phai nhạt dần. Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Hiền, anh Tr đã hết sức trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Các đương sự cũng đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Đối chiếu các quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 việc công nhận yêu cầu thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Võ Văn Tr là phù hợp.

[2.1] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung cháu Võ Văn T, sinh ngày 01/10/ 2011 và Võ Văn M, sinh ngày 16/9/ 2012. Xét thấy, các đương sự đều có nguyện vọng thống nhất giao hai con chung cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bản thân hai con cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Vì vậy, cần công nhận sự tự nguyện thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con và trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con của các bên.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 29; Điểm b, khoản 1 điều 37; Điều 39; Điều 149; Các Điều 361, 367, 369, 370, 371 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Các Điều 35, 36, 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Võ Văn Tr.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao hai con chung Võ Văn T, sinh ngày 01/10/ 2011 và Võ Văn M, sinh ngày 16/9/ 2012 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hai bên được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm của chị Nguyễn Thị H (đã nộp 300.000đ tại biên lai số 0000375 ngày 04/11/2022 tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Hương Thủy;
- Đương sự ;
- Lưu HS, TDS.

THẨM PHÁN- CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP

Trương Thị Lệ Thu